

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ  
NGÀNH KINH TẾ CHÍNH TRỊ**

*(Ban hành theo Quyết định số 438/QĐ-ĐHV ngày 18 tháng 7 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)*

**Mã số ngành đào tạo: 8310102**

**Nghệ An, 2022**



## MỤC LỤC

PHẦN 1. GIỚI THIỆU .....	1
1.1. Giới thiệu về Trường Đại học Vinh .....	1
1.2. Giới thiệu về Trường Kinh tế .....	2
1.3. Giới thiệu về chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế chính trị.....	3
PHẦN 2. TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....	5
2.1. Thông tin chung .....	5
2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo .....	5
2.3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo .....	6
2.4. Định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp .....	7
2.5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp .....	8
2.5.1. Tuyển sinh .....	8
2.5.2. Điều kiện tốt nghiệp .....	9
2.6. Phương pháp giảng dạy và học tập .....	9
2.7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá .....	11
2.8. Đối sánh chương trình đào tạo .....	13
PHẦN 3. CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC .....	20
3.1. Tổng quan về chương trình dạy học .....	20
3.2. Chuẩn đầu ra CTĐT .....	21
3.3. Kế hoạch giảng dạy.....	24
PHẦN 4: MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN .....	27
1. Triết học/M.PHI100/Bắt buộc .....	27
2. Ngoại ngữ/M.ENG100/ Bắt buộc .....	27
3. Các học thuyết kinh tế hiện đại/M.ECO101/Bắt buộc .....	27
4. Kinh tế vĩ mô nâng cao/M.ECO102/Bắt buộc .....	27
5. Quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội/M.ECO103/Bắt buộc .....	28
6. Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế/M.ECO104/Bắt buộc .....	28
7. Kinh tế quốc tế nâng cao/M.ECO201/Tự chọn .....	28
8. Kinh tế phát triển nâng cao/M.ECO202/Tự chọn .....	29
9. Kinh tế công cộng/M.ECO203/Tự chọn .....	29

10. Kinh tế nguồn nhân lực/M.ECO204/Tự chọn .....	30
11. Tư tưởng hồ chí minh về kinh tế/M.ECO205/Tự chọn .....	30
12. Tài chính ngân hàng và sự phát triển/M.ECO206/Tự chọn .....	31
13. Quản lý chương trình và dự án công/M.ECO207/Tự chọn.....	31
14. Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế/M.ECO208/Tự chọn .....	32
15. Kinh tế chính trị Mác - Lênin nâng cao/M.PEC101/Bắt buộc .....	32
16. Kinh tế chính trị ở Việt Nam hiện nay/M.PEC102/Bắt buộc .....	32
17. Chủ nghĩa tư bản hiện đại và xu hướng vận động/M.PEC103/Bắt buộc .....	33
18. Các mô hình công nghiệp hóa/M.PEC302/Tự chọn .....	33
19. Kinh tế học các vấn đề xã hội/M.PEC303/Tự chọn .....	33
20. An sinh xã hội/M.PEC306/Tự chọn .....	34
21. Thực tập tốt nghiệp và đồ án .....	34
<b>PHẦN 5. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH .....</b>	<b>35</b>
5.1. Trách nhiệm của Khoa/Trường .....	35
5.2. Trách nhiệm của giảng viên .....	35
5.3. Trách nhiệm của học viên .....	35
<b>PHỤ LỤC 1. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NHÂN VIÊN HỖ TRỢ .....</b>	<b>37</b>
<b>PHỤ LỤC 2: CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP .....</b>	<b>39</b>
<b>PHỤ LỤC 3. MA TRẬN PHÂN NHIỆM CDR CTĐT VÀ CÁC HỌC PHẦN ....</b>	<b>43</b>

## PHẦN 1. GIỚI THIỆU

### 1.1. Giới thiệu về Trường Đại học Vinh

Trường Đại học Vinh được thành lập năm 1959 theo Nghị định số 375/NĐ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục với tên gọi ban đầu là Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh. Ngày 29/02/1962, Bộ trưởng Bộ Giáo dục có Quyết định số 637/QĐ đổi tên Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Sư phạm Vinh. Ngày 25/4/2001, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh. Ngày 11/07/2011, Thủ tướng Chính phủ có Công văn số 1136/TTg-KGVX đưa Trường Đại học Vinh vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm quốc gia.

Từ Trường Đại học Sư phạm Vinh đến Trường Đại học Vinh hôm nay là thành quả của sự phấn đấu liên tục, bền bỉ, sáng tạo, tự chủ của các thế hệ lãnh đạo, cán bộ, viên chức, học sinh, sinh viên và học viên của Nhà trường trong hơn 60 năm qua. Những thành quả đó khẳng định uy tín và vị thế của Trường Đại học Vinh trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam và trên thế giới. Với tiền thân là Trường Đại học sư phạm Vinh, trải qua hơn 62 năm phấn đấu xây dựng và trưởng thành, với nhiều đóng góp xuất sắc cho nền giáo dục nước nhà, góp phần đáng kể vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, sự nghiệp đổi mới đất nước, Nhà trường đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận và tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý. Nhà trường đã đào tạo trên 80.000 cử nhân sư phạm, cử nhân khoa học, kỹ sư; 6.500 thạc sĩ và hàng trăm tiến sĩ. Nhiều cựu sinh viên của Trường đã trở thành các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành, cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục, đào tạo, các viện nghiên cứu, các trung tâm khoa học, công nghệ, kinh tế lớn trong nước và quốc tế.

Theo bảng xếp hạng các trường đại học trên thế giới của tổ chức CSIC, hàng năm Trường Đại học Vinh đều được xếp trong top 20 các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam. Trường Đại học Vinh đạt chuẩn 4 sao theo định hướng nghiên cứu theo Hệ thống đối sánh chất lượng giáo dục đại học (UPM) của 100 trường đại học hàng đầu châu Á (trong đó có nhiều tiêu chí đạt 5 sao). Theo bảng xếp hạng SCImago (SCImago Institutions Rankings) Trường Đại học Vinh xếp ở vị trí thứ 16 trong 22 trường đại học của Việt Nam. Nhà trường đã sớm triển khai các hoạt động đảm bảo chất lượng. Năm 2017, Nhà trường đã được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục. Từ năm 2018 đến nay đã có 12 chương trình đào tạo đại học chính quy được đánh giá ngoài theo Bộ tiêu chuẩn Quốc gia và được

công nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục, có 2 chương trình đào tạo đại học chính quy được đánh giá ngoài theo bộ tiêu chuẩn AUN-QA là Sư phạm Toán học và Công nghệ thông tin.

Hiện tại, Trường đào tạo 57 ngành đại học (*trong đó có 3 ngành đại học chất lượng cao*), 38 chuyên ngành thạc sĩ, 17 chuyên ngành tiến sĩ (2). Ngoài ra, Trường Đại học Vinh còn có 3 trường trực thuộc (Trường THPT Chuyên, Trường Mầm non thực hành và Trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông thực hành). Quy mô đào tạo của Trường là gần 35.000 học sinh, sinh viên, học viên, trong đó sinh viên, học viên chính quy là 22.000 người.

Trong 57 ngành đào tạo đại học, Trường Đại học Vinh có 14 ngành đào tạo giáo viên là các ngành truyền thống, cung cấp nguồn giáo viên chất lượng cao cho cả nước. Trong quá trình xây dựng và phát triển, chất lượng đào tạo luôn được Nhà trường quan tâm hàng đầu. Từ năm 2017, Nhà trường đã xây dựng và phát triển Chương trình đào tạo tiếp cận CDIO cho tất cả các ngành đào tạo đại học và chuyên ngành đào tạo sau đại học. Trường đang tập trung xây dựng các mô hình đào tạo giáo viên nói riêng, đào tạo các nguồn nhân lực nói chung theo tiếp cận năng lực, đổi mới mạnh mẽ phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển hệ thống hỗ trợ dạy học E-learning, các hình thức dạy học trực tuyến nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo.

## **1.2. Giới thiệu về Trường Kinh tế**

Năm 2003, Khoa Kinh tế được thành lập theo Quyết định số 870/QĐ-BGH&ĐT-TCCB, ngày 24/2/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tháng 9 năm 2021 Khoa Kinh tế được Trường Đại học Vinh chuyển đổi mô hình thành Trường Kinh tế được giao nhiệm vụ đào tạo: 1 mã ngành đào tạo Tiến sĩ; 3 mã ngành đào tạo thạc sĩ; 5 mã ngành Đại học chính quy hệ cử nhân kinh tế; 4 mã ngành đào tạo Đại học hệ vừa làm vừa học. Trường Kinh tế có các chức năng chủ yếu: Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ Đại học và Sau đại học khối ngành Kinh tế phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Các sinh viên, học viên sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực hoạt động trong lĩnh vực kinh tế, xã hội, quản lý nhà nước. Bên cạnh đó, Trường Kinh tế thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức tốt, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

- Đào tạo trình độ Tiến sĩ: chuyên ngành Quản lý kinh tế.

- Đào tạo trình độ Thạc sĩ: chuyên ngành Kinh tế chính trị, chuyên ngành

Quản lý kinh tế, chuyên ngành Quản trị kinh doanh.

- Đào tạo Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Quản trị kinh doanh, Cử nhân Quản trị kinh doanh hệ Chất lượng cao, Cử nhân Tài chính Ngân hàng, Cử nhân Kinh tế nông nghiệp, Cử nhân Thương mại điện tử.

- Nghiên cứu khoa học phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước.

- Bồi dưỡng và quảng bá kiến thức về khối ngành Kinh tế

- Đào tạo liên thông từ Cao đẳng lên Đại học.

- Triển khai hoạt động hợp tác với các trường đại học, các cơ quan nghiên cứu, các tổ chức phát triển trong nước và quốc tế.

Cùng với hoạt động đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học phục vụ đào tạo và phát triển kinh tế - xã hội của Trường Kinh tế cũng được chú ý phát triển. Trường Kinh tế đã tổ chức thành công nhiều hội thảo khoa học; xuất bản hàng trăm giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo; công bố hàng trăm bài báo trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Các cán bộ của Trường Kinh tế đã chủ trì và tham gia thực hiện nhiều đề tài cấp Nhà nước, đề tài cấp Bộ, đề tài cấp Tỉnh, cấp trường.

Hiện nay Trường Kinh tế đã có 3 chương trình đào tạo đại học chính quy (Quản trị kinh doanh, Kế toán và Tài chính ngân hàng) được đánh giá ngoài theo Bộ tiêu chuẩn Quốc gia và được công nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục. Ngành Quản trị kinh doanh đạt chuẩn 4 sao theo định hướng nghiên cứu theo Hệ thống đối sánh chất lượng giáo dục đại học (UPM) của 100 trường đại học hàng đầu châu Á (trong đó có nhiều tiêu chí đạt 5 sao).

### **1.3. Giới thiệu về chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế chính trị**

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kinh tế chính trị được thiết kế dựa trên các khối kiến thức (khối kiến cơ sở ngành, khối kiến thức chuyên ngành). Mục tiêu chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế chính trị có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có tinh thần trách nhiệm xã hội cao; định hướng ứng dụng có kiến thức chuyên sâu về Kinh tế chính trị, có năng lực giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến Kinh tế chính trị, có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc đào tạo tiến sĩ trong nước và nước ngoài.

Chương trình được giảng dạy và học tập bằng Tiếng Việt, số tín chỉ toàn khóa học là 61 tín chỉ. Chương trình xây dựng trên cơ sở tham khảo đối sánh các

chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế chính trị có uy tín trong và ngoài nước. Hàng năm học viên đào tạo chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế chính trị đều được trải nghiệm thực tế ở tổ chức, cơ quan quản lý nhà nước. Học viên được học tập tại các giảng đường hiện đại bậc nhất của Trường Đại học Vinh. Các học phần trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế chính trị được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết, có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được chuẩn đầu ra.

Học viên theo học chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế chính trị được hỗ trợ cơ sở vật chất, thiết bị và tài liệu Tiếng Anh của đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của công tác đào tạo chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế chính trị. Thư viện của Trường được quản lý bằng phần mềm và mạng máy tính, Nhà trường đã xây dựng thư viện điện tử, người học thạc sĩ Kinh tế chính trị có thể tra cứu tài liệu, cơ sở dữ liệu hệ thống luận văn, luận án. Hệ thống phòng học, trang thiết bị, máy tính đã cơ bản đáp ứng công tác đào tạo, NCKH, các hoạt động khác của Trường Kinh tế.

## PHẦN 2. TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 2.1. Thông tin chung

1.	Tên ngành đào tạo:	Kinh tế chính trị
2.	Mã số ngành đào tạo:	8310102
3.	Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
4.	Thời gian đào tạo:	2 năm
5.	Tên văn bằng tốt nghiệp:	Thạc sĩ ngành Kinh tế chính trị
6.	Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:	Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế
7.	Hình thức đào tạo:	
8.	Số tín chỉ yêu cầu:	61 tín chỉ
9.	Thang điểm:	
10.	Ngôn ngữ sử dụng:	Tiếng Việt
11.	Ngày tháng ban hành:	
12.	Phiên bản chỉnh sửa:	

### 2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo

<p><b>Mục tiêu tổng quát: Mục tiêu chung (PO):</b> Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế chính trị định hướng ứng dụng có kiến thức chuyên sâu về Kinh tế chính trị, có năng lực giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến Kinh tế chính trị, có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc đào tạo tiến sĩ trong nước và nước ngoài.</p>
<p><b>Mục tiêu cụ thể:</b></p>
<p><b>PO1:</b> Áp dụng thành thạo các kiến thức thực tế và kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Kinh tế chính trị.</p>
<p><b>PO2:</b> Vận dụng tư duy phản biện, phân tích, tổng hợp để đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học, tiên tiến; phát triển kỹ năng nghiên cứu, chuyển đổi số và sử dụng các công nghệ phù hợp trong lĩnh vực Kinh tế chính trị.</p>
<p><b>PO3:</b> Thể hiện kỹ năng quản lý và quản trị, truyền đạt tri thức, có kỹ năng làm việc độc lập hoặc phối hợp với chuyên gia để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Kinh tế chính trị.</p>
<p><b>PO4:</b> Hình thành ý tưởng, hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát các vấn đề trong lĩnh vực Kinh tế chính trị.</p>

### 2.3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Khung chuẩn đầu ra trình độ thạc sĩ của ngành Kinh tế chính trị là những yêu cầu chung về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học khi tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ.

2.2. Khung chuẩn đầu ra trình độ thạc sĩ của ngành Kinh tế chính trị bao gồm 08 chuẩn đầu ra cấp 2 và 18 chuẩn đầu ra cấp 3 như sau:

TT	CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA	TĐNL
PLO 1.1	<b>Vận dụng</b> các kiến thức lý thuyết nâng cao về triết học Mác - Lê Nin và kiến thức liên ngành trong nghiên cứu, phân tích các vấn đề thực tiễn về kinh tế chính trị	K4
1.1.1	<b>Tổng quát hóa</b> kiến thức chuyên sâu triết học Mác – Lênin vào phân tích, đánh giá các hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội thực tiễn trong nền kinh tế	K3
1.1.2	<b>Vận dụng</b> các kiến thức nâng cao về các học thuyết kinh tế hiện đại và kiến thức liên ngành trong nghiên cứu các vấn đề thực tiễn về kinh tế chính trị.	K4
PLO 1.2.	<b>Phân tích</b> các kiến thức lý thuyết chuyên sâu và hiện đại về kinh tế chính trị và vận dụng có hiệu quả trong nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực kinh tế chính trị.	K4
1.2.1.	<b>Vận dụng</b> kiến thức nâng cao của kinh tế chính trị Mác - Lê Nin trong giải quyết các vấn đề kinh tế chính trị.	K4
1.2.2.	<b>Vận dụng</b> kiến thức chuyên sâu về kinh tế chính trị ở Việt Nam hiện nay trong phân tích và giải quyết các vấn đề kinh tế chính trị thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	K4
1.2.3	<b>Vận dụng</b> kiến thức kinh tế chính trị hiện đại trong phân tích và giải quyết các vấn đề kinh tế chính trị.	K4
PLO 2.1	<b>Vận dụng</b> các kỹ năng để giải quyết vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực kinh tế chính trị	A4
2.1.1	<b>Vận dụng</b> các kỹ năng trong nghiên cứu và viết báo cáo khoa học về các vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực kinh tế chính trị	A4
2.1.2	<b>Vận dụng</b> các kỹ năng trong trực tiếp điều hành, lãnh đạo các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức kinh tế, chính trị, xã hội.	A4
PLO 2.2	<b>Thể hiện</b> bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức nghề nghiệp, có khả năng tự định hướng, thích nghi với thay đổi môi trường kinh tế, chính trị, xã hội.	A4

2.2.1.	<b>Thể hiện</b> bản lĩnh chính trị vững vàng, <i>công bằng và trách nhiệm xã hội</i> trong hoạt động kinh tế chính trị.	A4
2.2.2	<b>Thể hiện</b> khả năng tự định hướng, thích nghi với thay đổi của môi trường kinh tế, chính trị, xã hội.	A4
<b>PLO 3.1</b>	<b>Vận dụng</b> kỹ năng truyền thông, truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực kinh tế chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số.	S4
3.1.1	<b>Truyền thông, truyền đạt</b> tri thức dựa trên kết quả nghiên cứu các vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực kinh tế chính trị Mác - Lê Nin.	S4
3.1.2	<b>Thảo luận</b> các vấn đề chuyên sâu về các vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực kinh tế chính trị Mác - Lê Nin.	S4
<b>PLO 3.2</b>	<b>Kết nối, hợp tác và ứng dụng</b> công nghệ, ngoại ngữ đối với các hoạt động kinh tế chính trị trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số.	S4
3.2.1	<b>Kết nối, hợp tác và ứng dụng</b> công nghệ để tổ chức, hướng dẫn các vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực kinh tế chính trị.	S4
3.2.2	<b>Vận dụng</b> thành thạo ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.	S4
<b>PLO 4.1.</b>	<b>Phân tích</b> bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội trong và ngoài nước liên quan đến hoạt động kinh tế chính trị	<b>K4</b>
4.1.1	<b>Phân tích</b> bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội	<b>K4</b>
4.1.2	<b>Phân tích</b> bối cảnh, mục tiêu và chiến lược của tổ chức	<b>K4</b>
<b>PLO 4.2.</b>	<b>Hình thành</b> ý tưởng, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, đánh giá và điều chỉnh các hoạt động thực tiễn thuộc lĩnh vực kinh tế chính trị	<b>C5</b>
4.2.1	<b>Hình thành</b> ý tưởng về hoạt động thực tiễn thuộc lĩnh vực kinh tế chính trị	<b>C4</b>
4.2.2	<b>Phân tích</b> được quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện hoạt động thực tiễn thuộc lĩnh vực kinh tế chính trị	<b>C4</b>
4.2.3	<b>Đánh giá và điều chỉnh</b> hoạt động thực tiễn thuộc lĩnh vực kinh tế chính trị	<b>C5</b>

#### 2.4. Định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp trình độ thạc sĩ ngành Kinh tế chính trị, học viên có thể đảm nhận nhiều vị trí lãnh đạo và chuyên môn trong các tổ chức, các cơ quan nhà nước. Với kiến thức về chuyên sâu và kỹ năng thực tiễn, học viên sẽ có cơ hội làm việc trong các ngành nghề đa dạng và môi trường làm việc chuyên nghiệp, cụ thể:

- *Thứ nhất, cán bộ, công chức của Đảng và Nhà nước:* Thạc sĩ Kinh tế chính trị với những kiến thức, kỹ năng và phẩm chất được đào tạo, những hiểu biết hệ thống về đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách của Nhà nước, hoàn toàn đáp ứng được những yêu cầu của cán bộ, công chức của Đảng và Nhà nước, từ địa phương đến trung ương.

- *Thứ hai, công tác trong các tổ chức chính trị – xã hội, các tổ chức kinh tế:* Với những kiến thức mang tính liên ngành, thạc sĩ Kinh tế chính trị có thể làm việc tại các cơ quan tổ chức tư vấn kinh tế, các tổ chức hành chính sự nghiệp, các tổ chức kinh tế quốc tế tại Việt Nam. Bên cạnh đó, có thể trở thành chuyên viên triển khai và giám sát thực hiện các quyết định quản lý trong các tổ chức, hoặc trở thành chuyên gia phân tích chính sách, các nhà tư vấn và quản lý kinh tế, xã hội cấp cao, tham gia quản lý các doanh nghiệp, các tập đoàn kinh tế...

- *Thứ ba, cán bộ giảng dạy và nghiên cứu kinh tế:* Với những kiến thức hệ thống, thạc sĩ Kinh tế chính trị có khả năng nghiên cứu và đề xuất hướng giải quyết các vấn đề kinh tế – xã hội, đồng thời, cũng có những kỹ năng để truyền đạt các tri thức của mình. Vì vậy, Thạc sĩ Kinh tế chính trị có thể làm việc tại các viện nghiên cứu; các trường đại học – cao đẳng khối ngành kinh tế; các trường chính trị của quận, huyện, tỉnh, thành phố; có thể trở thành nghiên cứu viên, giảng viên, tham gia nghiên cứu và giảng dạy các vấn đề kinh tế, đặc biệt là kinh tế chính trị hiện đại.

#### *Cơ hội thăng tiến trong sự nghiệp*

Một trong những ưu điểm nổi bật của chương trình thạc sĩ ngành Kinh tế chính trị là mở ra nhiều cơ hội thăng tiến trong sự nghiệp như: các vị trí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các vị trí quản lý trong các tổ chức chính trị – xã hội, các tổ chức kinh tế ...

## **2.5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp**

### **2.5.1. Tuyển sinh**

#### **- Điều kiện văn bằng:**

+ Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế chính trị hoặc ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Kinh tế chính trị;

+ Có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành Kinh tế chính trị và có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 2 học phần (4 tín chỉ);

+ Có bằng tốt nghiệp đại học một số ngành khác với ngành Kinh tế chính trị và có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 5 học phần (10 tín

chỉ).

**- Điều kiện thâm niên công tác:**

+ Những người có bằng tốt nghiệp loại khá trở lên và không thuộc diện phải học bổ sung kiến thức được dự thi ngay.

+ Những người có bằng tốt nghiệp đại học dưới loại khá hoặc thuộc diện phải học bổ sung kiến thức thì phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực đăng kí dự thi;

+ Riêng đối tượng có bằng tốt nghiệp đại học chính quy một số ngành khác với ngành Kinh tế chính trị phải có ít nhất 03 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực đăng ký dự thi.

- Dự kiến quy mô tuyển sinh: 25 học viên/năm.

**2.5.2. Điều kiện tốt nghiệp**

Điều kiện xét, công nhận tốt nghiệp và xếp hạng tốt nghiệp được quy định theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Học viên đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp:

- Trong thời gian học tập theo quy định của khóa học.
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức bị đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ 61 tín chỉ của CTĐT;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên;
- Đạt yêu cầu về trình độ tiếng Anh bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc tương đương theo quy định,
- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với Trường.

**2.6. Phương pháp giảng dạy và học tập**

Phương pháp tiếp cận trong dạy học luôn lấy người học làm trung tâm, phương pháp dạy học đa dạng và sáng tạo, đáp ứng chuẩn đầu ra đã được Trường Đại học Vinh tuyên bố trong các chương trình đào tạo. Cũng như các chương trình khác, Chương trình đại học ngành Kinh tế chính trị được thiết kế theo hướng tiên tiến hiện đại bám sát mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình, phù hợp theo nhu cầu xã hội. Nhà trường áp dụng việc đào tạo theo tiếp cận CDIO, ngành đã nhấn mạnh đến phương pháp tiếp cận mới trong dạy học. Trong đó, chú trọng hơn đến phương pháp dạy học phát triển năng lực học viên, nhấn mạnh các chuẩn đầu ra theo 4 nhóm mục tiêu chính: (1) Kỹ năng và lập luận ngành; (2) Kỹ năng, phẩm

chất cá nhân và nghề nghiệp; (3) Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; (4) Năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và đánh giá hoạt động nghề nghiệp trong bối cảnh xã hội và giáo dục.

Trường Đại học Vinh, Trường Kinh tế và Khoa Kinh tế đã có những hướng dẫn người học sử dụng các tổ hợp các nghiên cứu học tập hiệu quả, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. Bên cạnh đó, Trường Kinh tế cùng Khoa Kinh tế đã có những buổi hội thảo, trao đổi về đổi mới sáng tạo trong dạy và học theo tiếp cận CDIO tại các phòng học lớn hoặc hội trường A; tổ chức các hoạt động rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp đối với học viên, Kết nối các tổ chức, cơ quan quản lý nhà nước và chương trình đi thực tế tổ chức, cơ quan quản lý nhà nước cho các học viên nhằm phát triển năng lực thực tiễn cho học viên. Ngoài ra, hàng năm các giảng viên Trường Kinh tế, Khoa Kinh tế đã có những buổi seminar chuyên đề trao đổi các phương pháp giảng dạy đa dạng nhằm thực hiện có hiệu quả CTĐT; nghiên cứu học tập hiệu quả, chủ động tiếp thu các kiến thức ; đưa bản kế hoạch và nội dung báo cáo kết quả thực tập tốt nghiệp của học viên xem xét việc nghiên cứu học tập hiệu quả, chủ động tiếp thu các kiến thức của học viên.

Hiện nay, Giảng viên và người học hài lòng với công nghệ dạy học, phương pháp dạy và học được sử dụng trong chương trình đào tạo. Hàng năm, Trường và khoa đã lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về vấn đề này để kịp thời chỉnh sửa bổ sung trong việc dạy và học. Phương pháp giảng dạy, hình thức, tài liệu, tác phong... của người giảng viên đều được học viên đánh giá và phản hồi qua sự thu thập ý kiến phản hồi từ học viên của Trường Đại học Vinh thông qua phiếu lấy ý kiến theo hình thức trực tuyến và trực tiếp. Trường tổng kết các đánh giá của học viên, lập báo cáo kết quả gửi lại trực tiếp cho giảng viên qua email cá nhân hoặc bằng văn bản; gửi cho các khoa, viện để có những điều chỉnh kịp thời trong công tác giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo chung của toàn trường như Quyết định số 1307/QĐ-ĐHV ngày 01 tháng 11 năm 2016. Hàng năm, trường đưa ra các kế hoạch và thông báo việc triển khai thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học và phụ huynh về sự hài lòng đối với cán bộ và các hoạt động nhà trường, cựu học viên về chương trình đào tạo, tổng hợp và báo cáo kết quả. Đa số học viên có những phản hồi tích cực đến việc tổ chức dạy học của giảng viên và cho rằng dạy học theo tiếp cận CDIO đã mang lại hiệu quả cao trong việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp để đạt được CĐR. Các quy định, hướng dẫn, thay đổi chương trình dạy và học đều được cập nhật liên tục trên website của Khoa/Viện, Trường Đại học Vinh để các bạn học viên được kịp thời nắm bắt, thay đổi cho phù hợp hoặc có vấn đề

vướng mắc về chương trình học có thể hỏi đáp trực tuyến thông qua cổng thông tin này. Trong quá trình học tập, học viên và giảng viên được tương tác với nhau thông qua cổng thông tin học tập trực tuyến LMS, elearning.

**Bảng 2.1.** Ảnh xạ giữa CDR của CTĐT và các hoạt động giảng dạy - học tập

Hoạt động giảng dạy và học tập	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo									
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2
Thuyết trình	√	√	√					√	√	
Vấn đáp	√	√	√					√		
Hoạt động nhóm				√	√	√	√	√		
Nghiên cứu tình huống	√	√	√						√	√
Đóng vai				√	√	√	√	√		
Thực hành			√	√	√				√	√
Trò chơi				√	√	√	√	√		
Đồ án	√	√	√	√	√	√	√		√	√
Giải quyết vấn đề				√	√				√	√

Đối với các học phần giáo dục cơ sở (Triết, Tiếng Anh), các hoạt động giảng dạy chính gồm thuyết trình, vấn đáp, trò chơi, hoạt động nhóm. Đối với các học phần cơ sở ngành, chuyên ngành và đồ án, ngoài các hoạt động giảng dạy trên, các hoạt động giảng dạy bao gồm thực hành, đóng vai, nghiên cứu các tình huống thực tiễn, giải quyết vấn đề và học dựa trên đồ án. Những hoạt động này nhằm nâng cao khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và đánh giá các hoạt động Kinh tế chính trị trong đơn vị.

## 2.7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Trên cơ sở Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ GD-ĐT, tháng 4 năm 2013, Trường Đại học Vinh đã Ban hành Quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở Trường Đại học Vinh. Trong chương 3 đã quy định chi tiết về các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của học viên, thang điểm đánh giá kết quả học tập từng học phần, cách tổ hợp điểm học phần. Quy định các công thức tính điểm học phần đối với các học phần không có và có thực hành và quy định về đánh giá kết quả học tập của học

viên đối với một số môn học đặc thù. Hình thức kiểm tra, thi đa dạng: tự luận, trắc nghiệm khách quan trên giấy, trắc nghiệm trên máy tính, vấn đáp, viết tiểu luận, làm thực hành, thực tập hoặc kết hợp các hình thức nêu trên tùy theo đặc điểm của từng học phần nhằm đảm bảo độ chính xác, khách quan và công bằng.

Đối với CTĐT tiếp cận CDIO, Nhà trường đã có những cải tiến về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên theo hướng tăng cường đánh giá đúng năng lực, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và công bằng. Nhà trường đã có sự thay đổi trong đánh giá các học phần, cụ thể đưa thêm điểm đánh giá quá trình (hồ sơ học phần) vào thành phần điểm đánh giá với trọng số 20% và giảm trọng số điểm thi cuối học phần từ 70% xuống 50%. Bên cạnh đó, Nhà trường đã ban hành các quy định xây dựng ngân hàng đề thi, trong đó có bản đặc tả ma trận ngân hàng đề thi để đảm bảo độ bảo phủ chương trình và đánh giá đúng năng lực học viên. Đồng thời, Nhà trường còn tổ chức các khóa tập huấn để hướng dẫn qui trình xây dựng ngân hàng đề thi và các hình thức đánh giá kết quả học tập cho sinh viên nhằm nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn về công tác KTĐG.

**Bảng 2.2.** Các hình thức đánh giá để đạt được CĐR của CTĐT

Các hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của CTĐT									
		1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2
Ý thức và thái độ học tập	Rubrics				√	√		√	√		
Thuyết trình nhóm	Rubrics				√	√	√	√		√	√
Thi thực hành máy tính	Đáp án	√	√	√	√						√
Thi trắc nghiệm khách quan	Đáp án	√	√	√					√		
Thi vấn đáp	Đáp án	√	√	√							
Báo cáo tiểu luận	Rubrics	√	√	√	√		√				√
Bảo vệ đồ án	Rubrics	√	√	√	√	√	√	√		√	√
Thi tự luận	Đáp án	√	√	√	√				√		

## 2.8. Đối sánh chương trình đào tạo

BẢNG 1: ĐỐI SÁNH KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ CỦA CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRONG NƯỚC

	Chương trình thạc sĩ Kinh tế chính trị Đại học Vinh	Chương trình thạc sĩ Kinh tế chính trị Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội (Định hướng ứng dụng)	Chương trình thạc sĩ Kinh tế chính trị trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội (Định hướng ứng dụng)	Nhận xét
Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ: 61	Số tín chỉ: 60	Số tín chỉ: 65	
	<p>Khối kiến thức chung: 7 tín chỉ</p> <p>Bắt buộc</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Triết học ( 4 tín chỉ)</li> <li>- Ngoại ngữ (3 tín chỉ)</li> </ul>	<p>Khối kiến thức cơ bản: 12 tín chỉ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ <i>Học phần bắt buộc: 06 tín chỉ</i></li> <li>- Triết học (4 tín chỉ)</li> <li>- Phương pháp NCKH (2 tín chỉ)</li> <li>+ <i>Học phần tự chọn: 06 tín chỉ (Chọn 2 trong tổng hợp 4 học phần)</i></li> <li>- Kinh tế vĩ mô ứng dụng (3 TC)</li> <li>- Thống kê ứng dụng (3 TC)</li> <li>- Kinh tế lao động (3 TC)</li> <li>- Kinh tế tài nguyên (3 TC)</li> </ul>	<p>Khối kiến thức chung: 9 tín chỉ</p> <p>Bắt buộc</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Triết học ( 4 tín chỉ)</li> <li>- Tiếng Anh (5 tín chỉ)</li> </ul>	<p>Về cơ bản, chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế chính trị của Trường Đại học Vinh khá đồng nhất với chương trình của trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội và ĐH Kinh tế quốc dân về khối kiến thức chung bắt buộc</p>
	<p>1. Khối kiến thức cơ sở ngành: 24 tín chỉ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ <i>Học phần bắt buộc: 12 tín chỉ</i></li> </ul> <p>Các học thuyết kinh tế hiện</p>	<p>1. Kiến thức ngành</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số tín chỉ: 21</li> <li>+ <i>Học phần bắt buộc: 06 tín chỉ</i></li> <li>- Kinh tế phát triển nâng cao (3 TC)</li> </ul>	<p><b>Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành: 41 tín chỉ</b></p> <p><b>+ Học phần bắt buộc: 22 tín chỉ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Lý thuyết kinh tế vi mô</i></li> </ul>	<p>Về cơ bản, chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế chính trị của Trường Đại học Vinh khá đồng nhất với chương trình của Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia</p>

<p>đại (3 TC) Kinh tế vĩ mô nâng cao (3 TC) Quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội (3 TC) Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế (3 TC) + <i>Học phần tự chọn: 12/24 tín chỉ (chọn 4 trong 8 môn)</i> Kinh tế quốc tế nâng cao (3 TC) Kinh tế phát triển nâng cao (3 TC) Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế (3 TC) Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế - xã hội (3 TC) Kinh tế công cộng (3 TC) Tài chính ngân hàng và sự phát triển (3 TC) Kinh tế nguồn nhân lực (3 TC) Quản lý đầu tư công (3 TC) 2. Khối kiến thức chuyên ngành: 15 tín chỉ + <i>Học phần bắt buộc: 9 tín chỉ</i> Kinh tế chính trị Mác - Lênin nâng cao (3 TC)</p>	<p>- Hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa (3 TC) + <i>Học phần tự chọn: 15 tín chỉ (5 nhóm tự chọn, mỗi nhóm chọn 1 học phần)</i> Nhóm 1: - Lịch sử các học thuyết kinh tế nâng cao - Kinh tế học thể chế - Kinh tế công cộng nâng cao Nhóm 2: - Dự báo kinh tế - Phân tích chính sách kinh tế - Chính sách kinh tế đối ngoại Nhóm 3: - Phân tích chuỗi thời gian - Phân tích dữ liệu mảng ứng dụng - Hệ thống tài khoản quốc gia Nhóm 4: - Kinh tế thương mại dịch vụ - Tài chính quốc tế - Kinh tế đầu tư Nhóm 5: - Kinh tế nông nghiệp - Kinh tế bất động sản - Kinh tế môi trường 2. Kiến thức chuyên ngành - Số tín chỉ: 12</p>	<p>- Lý thuyết kinh tế vĩ mô - Lịch sử các học thuyết kinh tế nâng cao - Kinh tế chính trị của sự phát triển - <b>Tăng trưởng kinh tế và phát triển con người</b> - Phân tích chính sách kinh tế - xã hội nâng cao - Toàn cầu hóa và kinh tế chính trị quốc tế - Nghèo đói, bất bình đẳng và chính phủ ở các nước kém phát triển + <i>Học phần tự chọn: 19 tín chỉ (chọn trong tổng 51 tín chỉ)</i> - Chính sách xã hội: các vấn đề và những sự lựa chọn - Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế - Chính trị và phát triển - Môi trường và phát triển - Nông nghiệp trong phát triển kinh tế - Tăng trưởng, phát triển và sự chuyển đổi kinh tế - Kinh tế chính trị Việt Nam - Những vấn đề về chính sách</p>	<p>Hà Nội và ĐH Kinh tế quốc dân về khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành Kinh tế chính trị. - Chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế chính trị của Trường Đại học Vinh tập trung đào tạo nâng cao kiến thức chuyên môn theo hướng ứng dụng thực tiễn qua các học phần chuyên ngành để hướng đến chuẩn đầu ra là có khả năng vận dụng, phát triển kiến thức và kỹ năng để hình thành ý tưởng, hoạch định, tổ chức thực hiện, lãnh đạo, đánh giá, điều chỉnh và đổi mới sáng tạo trong các hoạt động thực tiễn thuộc lĩnh vực kinh tế chính trị. Các học phần thuộc chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế chính trị của Trường Đại học Vinh được biên soạn và tham khảo từ các tài liệu mới nhất thuộc lĩnh vực chuyên môn.</p>
--	--	--	--

<p>Kinh tế chính trị ở Việt Nam hiện nay (3 TC)</p> <p>Chủ nghĩa tư bản hiện đại và xu hướng vận động (3 TC)</p> <p>+ <i>Học phần tự chọn: 6/12 tín chỉ (chọn 2 trong 6 môn)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh tế chính trị và các nền kinh tế chuyển đổi (3 TC)</li> <li>- Các mô hình công nghiệp hóa (3 TC)</li> <li>- Kinh tế học các vấn đề xã hội (3 TC)</li> <li>- Phát triển bền vững (3 TC)</li> </ul>	<p>+ <i>Học phần bắt buộc: 06 tín chỉ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học thuyết Mác về phương thức sản xuất TBCN</li> <li>- Kinh tế chính trị Việt Nam hiện nay</li> <li>+ <i>Học phần tự chọn: 06 tín chỉ</i></li> <li>- KTCT về các nền kinh tế chuyển đổi</li> <li>- Thê chế kinh tế thị trường ở Việt Nam</li> <li>- Các mô hình công nghiệp hóa</li> <li>- Lịch sử tư tưởng kinh tế phương Đông và Việt Nam</li> <li>- Các học thuyết kinh tế hiện đại</li> <li>- Kinh tế chính trị quốc tế</li> </ul>	<p>thị trường lao động</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân phối thu nhập trong nền kinh tế thị trường</li> <li>- Các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô</li> </ul> <p>Quản lý công và Lãnh đạo</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Toàn cầu hóa và chính sách công</li> <li>- Thị trường toàn cầu và khủng hoảng tài chính</li> <li>- Cách mạng Công nghiệp và phát triển</li> <li>- Quản lý sự thay đổi</li> <li>- Kinh tế vi mô nâng cao:</li> <li>- Thị trường, cân bằng và chính sách công</li> <li>- Kinh tế học về Luật pháp, Quy định và cạnh tranh</li> <li>- Phương pháp định lượng, Thống kê và Kinh tế lượng</li> </ul>	
<p><i>Thực tập và đồ án tốt nghiệp: 15 tín chỉ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Thực tập: 6 tín chỉ</i></li> <li>- <i>Đồ án: 9 tín chỉ</i></li> </ul>	<p><i>Thực tập và đồ án tốt nghiệp: 15 tín chỉ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Thực tập: 6 tín chỉ</i></li> <li>- <i>Đồ án: 9 tín chỉ</i></li> </ul>	<p><i>Thực tập thực tế và đồ án tốt nghiệp: 15 tín chỉ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Thực tập: 6 tín chỉ</i></li> <li>- <i>Đồ án: 9 tín chỉ</i></li> </ul>	<p>Chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế chính trị của Trường Đại học Vinh cơ bản đồng nhất với chương trình của trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội và ĐHKinh tế quốc dân về Thực tập và đồ án tốt nghiệp</p>

**BẢNG 2: ĐỐI SÁNH KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ CỦA CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOÀI NƯỚC**

	Chương trình thạc sĩ Kinh tế chính trị Đại học Vinh	Chương trình thạc sĩ Kinh tế chính trị King's College London <a href="https://www.masterstudies.com/institutions/kings-college-london-faculty-of-social-science-and-public-policy">https://www.masterstudies.com/institutions/kings-college-london-faculty-of-social-science-and-public-policy</a>	Chương trình thạc sĩ Kinh tế chính trị The University of Manchester <a href="https://www.manchester.ac.uk/study/masters/courses/list/06969/ma-political-economy-standard-route/">https://www.manchester.ac.uk/study/masters/courses/list/06969/ma-political-economy-standard-route/</a>	Nhận xét
<b>Tổng số tín chỉ</b>	Chương trình gồm: 180 tín chỉ - Bắt buộc: 43 tín chỉ - Tự chọn: 18 tín chỉ (Trong đó thực tập và đồ án là 15 tín chỉ)	Chương trình gồm: 180 tín chỉ - Bắt buộc: 90 tín chỉ - Tự chọn: 90 tín chỉ (Trong đó Luận văn là 60 tín chỉ)	Chương trình gồm: 150 tín chỉ - Bắt buộc: 105 tín chỉ - Tự chọn: 45 tín chỉ (Trong đó Luận văn là 60 tín chỉ)	
<b>Mục tiêu</b>	Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành <b>Kinh tế chính trị</b> định hướng ứng dụng có kiến thức thực tế và kiến thức lí thuyết sâu, rộng, tiên tiến về kinh tế chính trị; có khả năng vận dụng, phát triển kiến thức và kỹ năng để hình thành ý tưởng, hoạch định, tổ chức thực hiện, lãnh đạo, đánh giá, điều chỉnh và đổi mới sáng tạo trong các hoạt động thực tiễn thuộc lĩnh vực kinh tế chính trị của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Bộ, Ban, Ngành, địa phương, các doanh nghiệp và các tổ chức	Chương trình thạc sĩ được thiết kế học toàn thời gian 1 năm hoặc bán thời gian hai năm. Chương trình sẽ giúp người học phát triển sự hiểu biết về thể chế chính trị và kinh tế Vương quốc Anh và toàn cầu. Người học sẽ có được các kỹ năng lý thuyết và thực tiễn cần thiết để tham gia vào các vấn đề trong nước và thế giới đương đại ở cấp độ nâng cao.	Chương trình thạc sĩ được thiết kế học toàn thời gian 1 năm hoặc bán thời gian hai năm. Chương trình trang bị cho người học sự hiểu biết toàn diện về kinh tế chính trị. Sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại các học viện, công chức, cơ quan báo chí, các tổ chức phi chính phủ, và nhiều lĩnh vực khác.	

	<p>kinh tế, chính trị, xã hội; có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc đào tạo tiến sỹ trong nước và nước ngoài.</p>	<p>Chương trình giảng dạy bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần tự chọn.</p> <p>Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ có tổng số <b>180 tín chỉ</b> với cấu trúc gồm 3 phần như sau:</p> <p><b>Phần I – Kiến thức bắt buộc</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khái niệm chính trong kinh tế chính trị đương đại (30 tín chỉ)</li> <li><b>Phần II:</b> Luận văn (60 tín chỉ)</li> <li><b>Phần III - Các mô-đun tùy chọn: 90 tín chỉ (6 môn mỗi môn 15 tín chỉ từ một loạt các học phần tùy chọn)</b></li> </ul> <p>sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá Chính sách công</li> <li>- Tự do, Bình đẳng và Công lý: Lý thuyết chính trị và Chính sách công</li> <li>- Chính sách quản lý</li> <li>- Truyền thông, Bầu cử và Vận động</li> <li>- Từ Blair đến Brexit: Nước Anh từ năm 1997</li> <li>- Kinh tế chính trị của tham nhũng</li> <li>- Giới, Chính trị và Chính sách công</li> <li>- Kinh tế chính trị mới của phương</li> </ul>	<p>Chương trình giảng dạy bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần tự chọn với tổng số <b>150 tín chỉ</b> với cấu trúc như sau:</p> <p><b>Phần I – Các kiến thức bắt buộc</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các phương pháp tiếp cận lý thuyết về kinh tế chính trị (30 tín chỉ)</li> <li>- Thiết kế và Kỹ năng Nghiên cứu (15 tín chỉ)</li> <li><b>Phần II:</b> Luận văn (60 tín chỉ)</li> <li><b>Phần III – Tùy chọn 45 tín chỉ (3 môn mỗi môn 15 tín chỉ) từ các môn sau:</b></li> <li>- Kinh tế chính trị của kinh doanh toàn cầu</li> <li>- Các công ty đa quốc gia và hệ thống việc làm so sánh</li> <li>- Phân tích công ty</li> <li>- Lý thuyết kinh tế vi mô</li> <li>- Lý thuyết kinh tế vĩ mô</li> </ul>	
<p><b>Các học phần</b></p>	<p>Chương trình có 16 môn, trong đó có 10 môn bắt buộc và 6 môn tự chọn</p> <p>Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ có tổng số <b>61 tín chỉ</b> với cấu trúc gồm 3 phần như sau:</p> <p><b>Phần I: Các môn học chung</b> cho tất cả các ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.</p> <p><b>Phần II: Môn học kiến thức cơ sở và môn học kiến thức chuyên ngành</b></p> <p>Tổng số gồm 39 tín chỉ với 13 môn học cho 2 phần kiến thức.</p> <p>1. Phần kiến thức cơ sở ngành: có 8 môn học với tổng số 24 tín chỉ.</p> <p>2. Phần kiến thức chuyên ngành có 5 môn học với tổng số 15 tín chỉ</p> <p><b>Phần III:</b> Thực tập và đồ án tốt nghiệp</p> <p>Thực tập và đồ án tốt nghiệp: <b>15 tín chỉ</b></p>			

	<p>tiện truyền thông</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạo đức và Chính sách công</li> <li>- Kinh tế chính trị của chính sách kinh tế</li> <li>- Kinh tế chính trị so sánh</li> <li>- Lý thuyết trò chơi và kinh tế chính trị</li> <li>- Phương pháp định lượng trong kinh tế chính trị</li> <li>- Thể chế &amp; Phát triển kinh tế</li> <li>- Các đảng phái, cử tri và văn hóa chính trị ở Anh 1945-2010</li> <li>- Dân chủ ở Vương quốc Anh và Châu Âu từ năm 1945</li> <li>- Các vấn đề trong Lịch sử kinh tế</li> <li>- Kinh tế chính trị của sự phân biệt đối xử</li> </ul> <p>Trung Đông</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lý thuyết chính trị</li> <li>- Kinh tế chính trị chính thức</li> <li>- Kinh tế phát triển (15 tín chỉ)</li> <li>- Kinh tế vi mô nâng cao (15 tín chỉ)</li> <li>- Kinh tế vĩ mô nâng cao (15 tín chỉ)</li> <li>- Kinh tế và Chính sách Y tế</li> <li>- Sử dụng Kinh tế trong Chính phủ</li> <li>- Kinh tế bản sắc (15 tín chỉ)</li> <li>- Kinh tế lượng nâng cao (15 tín chỉ)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghèo đói, bất bình đẳng và chính sách của chính phủ ở các nước kém phát triển</li> <li>- Kinh tế học về chính sách môi trường</li> <li>- Kinh tế chính trị toàn cầu</li> <li>- Chính trị và quản lý phát triển</li> <li>- Phát triển kinh tế</li> <li>- Tài chính quốc tế cho phát triển</li> <li>- So sánh các chủ nghĩa tư bản trong nền kinh tế chính trị toàn cầu</li> <li>- Chính trị của tiền tệ và tài chính</li> <li>- Tạo ra một thế giới bền vững: Ứng dụng liên ngành của các mục tiêu phát triển bền vững</li> <li>- Xã hội học tiêu dùng</li> <li>- Chủ nghĩa tư bản châu Âu: Khủng hoảng, biến đổi và tranh chấp</li> <li>- Các cách tiếp cận quan trọng đối với kinh tế chính trị quốc tế</li> <li>- Các vấn đề chính trong môi trường và phát triển</li> </ul>	
--	--	--	--

		<p><b>Ngoài ra, người học có thể chọn tối đa 30 trong số 90 tín chỉ tùy chọn từ các học phần cấp độ 7 ngoài danh sách học phần đã được chương trình phê duyệt, tùy thuộc vào sự chấp thuận của Giám đốc Chương trình.</b></p>	...	
--	--	---	-----	--

## PHẦN 3. CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

### 3.1. Tổng quan về chương trình dạy học

Chương trình khung đào tạo xây dựng theo hình thức đào tạo tín chỉ. Các môn được phân loại theo dạng các môn kiến thức chung, các môn kiến thức cơ sở bắt buộc, các môn kiến thức cơ sở tự chọn, các môn kiến thức chuyên ngành bắt buộc và các môn kiến thức chuyên ngành tự chọn. Các môn học có 46 tín chỉ, chiếm 75% thời lượng chương trình. Luận văn thạc sĩ có 15 tín chỉ, chiếm 25% thời lượng chương trình. Các môn chung có 7 tín chỉ, chiếm 11% thời lượng chương trình. Các môn học cơ sở bắt buộc có 12 tín chỉ, chiếm 20% thời lượng chương trình. Các môn chuyên ngành bắt buộc có 9 tín chỉ, chiếm 15% thời lượng chương trình. Các môn chuyên ngành tự chọn 6 tín chỉ, chiếm 10% thời lượng chương trình.

**Phần I: Các môn học chung cho tất cả các ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.**

Tổng số 07 tín chỉ, trong đó:

- Ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Pháp): 03 tín chỉ
- Triết học: 03 tín chỉ

**Phần II: Môn học kiến thức cơ sở và môn học kiến thức chuyên ngành**

Tổng số gồm 39 tín chỉ với 13 môn học cho 2 phần kiến thức.

**A. Đối với các chuyên ngành thuộc khối khoa học tự nhiên**

1. Phần kiến thức cơ sở chung cho tất cả các chuyên ngành trong cùng một ngành: có 8 môn học với tổng số 24 tín chỉ.

- + Phần kiến thức bắt buộc: Có 4 môn học
- + Phần kiến thức tự chọn: Chọn 4 môn học

2. Phần kiến thức chuyên ngành cho từng chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ: có 5 môn học với tổng số 15 tín chỉ

- + Phần bắt buộc: Có 3 môn học
- + Phần tự chọn: Chọn 2 môn học

**B. Đối với các chuyên ngành thuộc khối khoa học xã hội**

1. Phần kiến thức cơ sở chung cho tất cả các chuyên ngành trong cùng một ngành: có 8 môn học với tổng số 24 tín chỉ.

- + Phần kiến thức bắt buộc: Có 4 môn học
- + Phần kiến thức tự chọn: Chọn 4 môn học

2. Phân kiến thức chuyên ngành cho từng chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ: có 5 môn học với tổng số 15 tín chỉ

+ Phần bắt buộc: Có 3 môn học

+ Phần tự chọn: Chọn 2 môn học

### **Phân III: Luận văn**

Đề cương luận văn và luận văn: **15 tín chỉ**

**Ghi chú:** Quy định hình thức thi hết chuyên đề:

- Các môn Chung, môn Cơ sở ngành thi bằng hình thức tự luận hoặc trắc nghiệm khách quan; hoặc làm tiểu luận

- Các môn chuyên ngành ngành thi bằng hình thức tự luận hoặc trắc nghiệm khách quan; hoặc làm tiểu luận

### **3.2. Chuẩn đầu ra CTĐT**

3.1. Khung chuẩn đầu ra trình độ thạc sĩ của ngành Kinh tế chính trị là những yêu cầu chung về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học khi tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ.

3.2. Khung chuẩn đầu ra trình độ thạc sĩ của ngành Kinh tế chính trị bao gồm 08 chuẩn đầu ra cấp 2 và 18 chuẩn đầu ra cấp 3 như sau:

<b>TT</b>	<b>CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA</b>	<b>TĐNL</b>
<b>PLO 1.1</b>	<b>Vận dụng</b> các kiến thức lý thuyết nâng cao về triết học Mác - Lê Nin và kiến thức liên ngành trong nghiên cứu, phân tích các vấn đề thực tiễn về kinh tế chính trị	<b>K4</b>
1.1.1	<b>Tổng quát hóa</b> kiến thức chuyên sâu triết học Mác – Lênin vào phân tích, đánh giá các hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội thực tiễn trong nền kinh tế	K3
1.1.2	<b>Vận dụng</b> các kiến thức nâng cao về các học thuyết kinh tế hiện đại và kiến thức liên ngành trong nghiên cứu các vấn đề thực tiễn về kinh tế chính trị.	K4
<b>PLO 1.2.</b>	<b>Phân tích</b> các kiến thức lý thuyết chuyên sâu và hiện đại về kinh tế chính trị và vận dụng có hiệu quả trong nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực kinh tế chính trị.	<b>K4</b>
1.2.1.	<b>Vận dụng</b> kiến thức nâng cao của kinh tế chính trị Mác - Lê Nin trong giải quyết các vấn đề kinh tế chính trị.	K4
1.2.2.	<b>Vận dụng</b> kiến thức chuyên sâu về kinh tế chính trị ở Việt Nam hiện	K4

	nay trong phân tích và giải quyết các vấn đề kinh tế chính trị thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	
1.2.3	<i>Vận dụng</i> kiến thức kinh tế chính trị hiện đại trong phân tích và giải quyết các vấn đề kinh tế chính trị.	K4
<b>PLO 2.1</b>	<b>Vận dụng</b> các kỹ năng để giải quyết vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực kinh tế chính trị	<b>A4</b>
2.1.1	<i>Vận dụng</i> các kỹ năng trong nghiên cứu và viết báo cáo khoa học về các vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực kinh tế chính trị	A4
2.1.2	<i>Vận dụng</i> các kỹ năng trong trực tiếp điều hành, lãnh đạo các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức kinh tế, chính trị, xã hội.	A4
<b>PLO 2.2</b>	<b>Thể hiện</b> bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức nghề nghiệp, có khả năng tự định hướng, thích nghi với thay đổi môi trường kinh tế, chính trị, xã hội.	<b>A4</b>
2.2.1.	<i>Thể hiện</i> bản lĩnh chính trị vững vàng, <i>công bằng và trách nhiệm xã hội</i> trong hoạt động kinh tế chính trị.	A4
2.2.2	<i>Thể hiện</i> khả năng tự định hướng, thích nghi với thay đổi của môi trường kinh tế, chính trị, xã hội.	A4
<b>PLO 3.1</b>	<b>Vận dụng</b> kỹ năng truyền thông, truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực kinh tế chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số.	<b>S4</b>
3.1.1	<i>Truyền thông, truyền đạt</i> tri thức dựa trên kết quả nghiên cứu các vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực kinh tế chính trị Mác - Lê Nin.	S4
3.1.2	<i>Thảo luận</i> các vấn đề chuyên sâu về các vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực kinh tế chính trị Mác - Lê Nin.	S4
<b>PLO 3.2</b>	<b>Kết nối, hợp tác và ứng dụng</b> công nghệ, ngoại ngữ đối với các hoạt động kinh tế chính trị trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số.	<b>S4</b>
3.2.1	<i>Kết nối, hợp tác và ứng dụng</i> công nghệ để tổ chức, hướng dẫn các vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực kinh tế chính trị.	S4
3.2.2	<i>Vận dụng</i> thành thạo ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.	S4
<b>PLO 4.1.</b>	<b>Phân tích</b> bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội trong và ngoài nước liên quan đến hoạt động kinh tế chính trị	<b>K4</b>
4.1.1	<i>Phân tích</i> bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội	<b>K4</b>
4.1.2	<i>Phân tích</i> bối cảnh, mục tiêu và chiến lược của tổ chức	<b>K4</b>

<b>PLO</b> <b>4.2.</b>	<b>Hình thành</b> ý tưởng, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, đánh giá và điều chỉnh các hoạt động thực tiễn thuộc lĩnh vực kinh tế chính trị	<b>C5</b>
4.2.1	<i>Hình thành</i> ý tưởng về hoạt động thực tiễn thuộc lĩnh vực kinh tế chính trị	<b>C4</b>
4.2.2	<i>Phân tích</i> được quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện hoạt động thực tiễn thuộc lĩnh vực kinh tế chính trị	<b>C4</b>
4.2.3	<i>Đánh giá và điều chỉnh</i> hoạt động thực tiễn thuộc lĩnh vực kinh tế chính trị	<b>C5</b>

## 3.3. Kế hoạch giảng dạy

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Phân tiết							Loại học phần	Đơn vị phụ trách	
				Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm/ Thực tế/Thực tập	Thảo luận/Bài tập	Đồ án - Học phần	Thực tập tốt nghiệp	Luận văn / Đồ án tốt nghiệp	Tự học / Tự nghiên cứu			Phân kỳ
		<b>I. KHÓI KIẾN THỨC CHUNG (cho tất cả các ngành)</b>											
1	M.PHI100	Triết học	4								1	1.Bắt buộc	Khoa Giáo dục Chính trị
2	M.ENG100	Ngoại Ngữ	3								1	1.Bắt buộc	Khoa Sư phạm NN
		<b>II. KHÓI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH</b>											
		<b>1. Các HP bắt buộc</b>											
3	M.ECO101	Các học thuyết kinh tế hiện đại	3								1	1.Bắt buộc	Khoa Kinh tế
4	M.ECO102	Kinh tế vĩ mô nâng cao	3								1	1.Bắt buộc	Khoa Kinh tế
5	M.ECO103	Quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội	3								1	1.Bắt buộc	Khoa Kinh tế
6	M.ECO104	Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế	3								2	1.Bắt buộc	Khoa Kinh tế

<b>2. Các HP tự chọn 1 (chọn 4 trong 8 HP)</b>										
7	M.ECO201	Kinh tế quốc tế nâng cao	3						2.Tự chọn	Khoa Kinh tế
8	M.ECO202	Kinh tế phát triển nâng cao	3						2.Tự chọn	Khoa Kinh tế
9	M.ECO203	Kinh tế công cộng	3						2.Tự chọn	Khoa Kinh tế
10	M.ECO204	Kinh tế nguồn nhân lực	3						2.Tự chọn	Khoa Quản trị kinh doanh
11	M.ECO205	Tư tưởng HCM về kinh tế	3						2.Tự chọn	Khoa Kinh tế
12	M.ECO206	Tài chính ngân hàng và sự phát triển	3						2.Tự chọn	Khoa Tài chính ngân hàng
13	M.ECO207	Quản lý chương trình và dự án công	3						2.Tự chọn	Khoa Kinh tế
14	M.ECO208	Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế - xã hội	3						2.Tự chọn	Khoa Kinh tế
<b>II. KHỎI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>										
<b>1. Các HP bắt buộc</b>										
15	M.PEC101	Kinh tế chính trị Mác - Lênin nâng cao	3						1.Bắt buộc	Khoa Kinh tế
16	M.PEC102	Kinh tế chính trị ở Việt Nam hiện nay	3						1.Bắt buộc	Khoa Kinh tế
17	M.PEC103	Chủ nghĩa tư bản hiện đại và xu hướng vận động	3						1.Bắt buộc	Khoa Kinh tế
<b>2. Tự chọn 2 - Định hướng Ứng dụng (chọn 2 trong 4 HP)</b>										

18	M.PEC301	Kinh tế chính trị về các nền kinh tế chuyên đổi	3								3	2.Tự chọn	Khoa Kinh tế
19	M.PEC302	Các mô hình công nghiệp hóa	3								3	2.Tự chọn	Khoa Kinh tế
20	M.PEC303	Kinh tế học các vấn đề xã hội	3								3	2.Tự chọn	Khoa Kinh tế
21	M.PEC306	An sinh xã hội	3								3	2.Tự chọn	Khoa Kinh tế
	<b>III. LUẬN VĂN/THỰC TẬP, ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP</b>												
22	M.PEC601	Thực tập tốt nghiệp	6								4	1.Bắt buộc	Khoa Kinh tế
23	M.PEC602	Đồ án tốt nghiệp	9								4	1.Bắt buộc	Khoa Kinh tế

## PHẦN 4: MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN

### 1. Triết học/M.PHI100/Bắt buộc

*Mô tả môn học:* Học phần được kết cấu thành 11 chương, trình bày khái quát lịch sử triết học phương Đông, phương Tây và lịch sử triết học Mác - Lênin; trình bày các chuyên đề triết học.

*Mục tiêu môn học:* Trang bị cho học viên thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận khoa học; xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng; giúp người học vận dụng các kiến thức triết học để nhận thức và giải quyết các vấn đề thực tiễn xã hội, cũng như tiếp cận các khoa học chuyên ngành.

### 2. Ngoại ngữ/M.ENG100/ Bắt buộc

*Mô tả tóm tắt môn học:* Là học phần cơ sở trong chương trình đào tạo thạc sĩ của tất cả các chuyên ngành. Được bố trí giảng dạy trong học kỳ đầu của khoá đào tạo.

*Mục tiêu của môn học:* Cung cấp cho học viên những kiến thức về ngôn ngữ tiếng Anh, rèn luyện và phát triển kỹ năng giao tiếp, giúp cho học viên phương pháp học tiếng Anh có hiệu quả. Cụ thể là, sau khi kết thúc học phần, người học phải đạt được năng lực giao tiếp ở trình độ trung cấp (intermediate level hoặc bằng C), bao gồm tri thức về bình diện ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp), kiến thức hiểu biết về văn hoá các nước nói tiếng Anh và kỹ năng thực hành ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết), trong đó, kỹ năng đọc, hiểu, dịch phải ở mức thành thạo.

### 3. Các học thuyết kinh tế hiện đại/M.ECO101/Bắt buộc

*Mô tả tóm tắt môn học:* Học phần thuộc kiến thức cơ sở cung cấp những kiến thức nâng cao về các học thuyết kinh tế hiện đại. Sử dụng các phương pháp truyền thống và hiện đại, sử dụng các thiết bị dạy học hiện đại.

*Mục tiêu của môn học:* Cung cấp cho học viên hệ thống kiến thức về vận dụng các học thuyết kinh tế hiện đại. Học viên cần có những kiến thức nâng cao về kinh tế và tư tưởng kinh tế. Nắm vững những kiến thức quan trọng liên quan tới vận dụng các học thuyết vào bối cảnh kinh tế hiện nay.

### 4. Kinh tế vĩ mô nâng cao/M.ECO102/Bắt buộc

*Mô tả tóm tắt học phần:* Học phần thuộc kiến thức cơ sở cung cấp cơ sở lý luận cơ bản về kinh tế học ở tầm vĩ mô cho các môn học chuyên ngành. Sử dụng các phương pháp truyền thống và hiện đại, sử dụng các thiết bị dạy học hiện đại.

*Mục tiêu của học phần:* Cung cấp cho học viên nền tảng tri thức kinh tế về chuyên ngành kinh tế học vĩ mô, khung khổ phân tích định lượng các hiện tượng, quá trình kinh tế trên quy mô tổng thể của nền kinh tế quốc dân. Học viên phải có kiến thức kinh tế tổng hợp, như lịch sử các học thuyết kinh tế hiện đại, kiến thức toán học.

### **5. Quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội/M.ECO103/Bắt buộc**

*Mô tả tóm tắt học phần:* Cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về QLNN về kinh tế - xã hội, đặc biệt trong bối cảnh đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế của Việt Nam.

*Mục tiêu của học phần:* Hiểu và nắm vững quan điểm, đường lối đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội của Đảng, nhà nước Việt Nam trong thực tiễn hiện nay, vận dụng sáng tạo trong hoạt động thực tiễn của mỗi học viên.

### **6. Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế/M.ECO104/Bắt buộc**

*Mô tả tóm tắt học phần:* Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành bắt buộc trong chương trình cao học Kinh tế chính trị. Trang bị những phương pháp luận nghiên cứu khoa học nói chung; kỹ năng tiếp cận các vấn đề kinh tế; giới thiệu các phương pháp định tính và định lượng, kỹ năng xử lý và phân tích số liệu; thiết bị hiện đại trợ giúp nghiên cứu khoa học cơ bản; thiết kế các mô hình phân tích kinh tế; xử lý thông tin trợ giúp của nhiều công cụ hiện đại.

*Mục tiêu của học phần:* Trang bị cho người học hệ thống phương pháp nghiên cứu khoa học nói chung và nghiên cứu môn kinh tế học chính trị nói riêng.

### **7. Kinh tế quốc tế nâng cao/M.ECO201/Tự chọn**

*Mô tả tóm tắt học phần:* Vị trí môn học: thuộc học phần kiến thức tự chọn, cung cấp những kiến thức chuyên sâu về kinh tế quốc tế, tạo cơ sở cho việc đi sâu nghiên cứu kinh tế chính trị.

*Mục tiêu của học phần:* Trang bị những tri thức kinh tế chuyên sâu về các lý luận kinh tế trong giao dịch quốc tế, kinh tế đối ngoại. Học viên phải có kiến thức về Kinh tế học vĩ mô và vi mô; kiến thức về ngoại thương, quan hệ kinh tế đối ngoại.

### **8. Kinh tế phát triển nâng cao/M.ECO202/Tự chọn**

*Mô tả tóm tắt học phần:* Thuộc học phần kiến thức chuyên ngành tự chọn. Những kiến thức học phần này có quan hệ mật thiết với các học phần khác trong chương trình của cao học Kinh tế. Nó góp phần tích cực tạo cơ sở cho việc đi sâu nghiên cứu kinh tế chính trị. Sử dụng các phương pháp truyền thống và hiện đại, sử dụng các thiết bị dạy học hiện đại.

*Mục tiêu của học phần:*

- Về kiến thức: Nhằm trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu về kinh tế học phát triển.

- Về phương pháp, kỹ năng: giúp cho người học có phương pháp nghiên cứu, tiếp cận vấn đề một cách khoa học và có kỹ năng vận dụng kiến thức đã được trang bị vào các hoạt động thực tiễn, góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế theo hướng bền vững.

- Về ý thức, tư tưởng: nâng cao ý thức trách nhiệm và tính tiên phong gương mẫu trong việc tích cực góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế theo hướng bền vững.

### **9. Kinh tế công cộng/M.ECO203/Tự chọn**

*Mô tả tóm tắt học phần:* Vị trí môn học: thuộc học phần kiến thức tự chọn, tạo cơ sở cho việc đi sâu nghiên cứu kinh tế chính trị. Phương pháp giảng dạy: Sử dụng các phương pháp truyền thống và hiện đại, sử dụng các thiết bị dạy học hiện đại.

*Mục tiêu của học phần:* Cung cấp kiến thức kinh tế chuyên sâu về sử dụng các nguồn lực công, lý giải nhiều hiện tượng kinh tế trong lĩnh vực mà cơ chế vận hành của chúng chủ yếu không tuân theo quy luật thị trường thuần túy. Yêu cầu học viên phải có trước những kiến thức về kinh tế học vĩ mô và vi mô, quản lý nhà nước về kinh tế. Môn này đặc biệt cần thiết cho đối tượng người học là những cán bộ lãnh đạo trong bộ máy của Đảng và Nhà nước.

### 10. Kinh tế nguồn nhân lực/M.ECO204/Tự chọn

*Mô tả học phần:* Học phần này được thiết kế nhằm nâng cao việc nhận thức về tầm quan trọng của yếu tố con người và việc quản lý hiệu quả nguồn nhân lực của một quốc gia. Nội dung của học phần cung cấp những kiến thức bổ trợ giúp học viên nghiên cứu sâu những nội dung trong chuyên ngành Kinh tế chính trị như lao động, sức lao động, tiền lương...

*Mục tiêu học phần:* Học phần sẽ tập trung trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về nguồn nhân lực, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, thị trường lao động (cung cầu lao động), tiền lương (chính sách, chế độ tiền lương) giúp học viên cao học có được kiến thức toàn diện hơn, qua đó ứng dụng kiến thức của những học phần khác vào thực tiễn mang tính đồng bộ và có hiệu quả hơn.

### 11. Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế/M.ECO205/Tự chọn

*Mô tả học phần:* Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo thạc sỹ Kinh tế chính trị. Học phần cung cấp cho học viên những tư tưởng cơ bản của Chủ tịch Hồ Chí Minh về kinh tế, tạo cơ sở cho việc đi sâu nghiên cứu kinh tế chính trị như: Tư tưởng của Bác về chủ nghĩa đế quốc; về thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta; về phát triển ngành nghề; về quản lý nhà nước; quan hệ giữa phát triển kinh tế và phát triển con người, thực hiện công bằng xã hội...

*Mục tiêu của học phần:* Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế trang bị cho người học những tư tưởng kinh tế quan trọng của Hồ Chủ tịch, góp phần sáng rõ hơn các tư duy kinh tế của Việt Nam. Từ đó, góp phần nâng cao ý thức tự giác, chủ động vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cuộc sống. Với những nhận thức và thái độ đó, môn học góp phần rèn luyện khả năng truyền đạt, truyền thông tư tưởng của Hồ Chủ tịch về kinh tế.

*Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo*

<b>CĐR học phần</b>	<b>Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)</b>
---------------------	---

	PLO1.1	PLO3.1
	1.1.2	3.1.1
CLO1.1	1,0	
CLO2.1		1,0

### **12. Tài chính ngân hàng và sự phát triển/M.ECO206/Tự chọn**

*Mô tả tóm tắt học phần:* Vị trí môn học thuộc học phần kiến thức tự chọn, cung cấp những kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ, góp phần tích cực tạo cơ sở cho việc đi sâu nghiên cứu kinh tế chính trị.

*Mục tiêu của học phần:* Trang bị cho học viên công cụ phân tích tài chính, tiền tệ với tư cách các công cụ trực tiếp tác động tới mọi hiện tượng, quá trình kinh tế, trang bị hệ thống tri thức và các mô hình kinh tế liên quan tới quy luật vận động của các nguồn lực tài chính, tiền tệ. Học viên phải có kiến thức cơ bản về Kinh tế học vĩ mô, vi mô; Kinh tế học công cộng; kiến thức nhất định về tiền tệ, ngân hàng, ngân sách nhà nước và chứng khoán.

### **13. Quản lý chương trình và dự án công/M.ECO207/Tự chọn**

*Mô tả học phần:* Học phần thuộc kiến thức cơ sở cung cấp những kiến thức về quản lý chương trình và dự án công. Sử dụng các phương pháp truyền thống và hiện đại, sử dụng các thiết bị dạy học hiện đại

*Mục tiêu học phần:* Cung cấp cho học viên hệ thống kiến thức về quản lý các chương trình và dự án công. Học viên có thể vận dụng trong việc đánh giá hiệu quả và quản lý chi phí các chương trình và dự án đầu tư công.

#### **Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

CLO1.1	Vận dụng kỹ năng tìm kiếm, phân tích dữ liệu về quản lý chương trình và dự án công
CLO2.1	Phân tích quá trình quản lý chương trình và dự án công

#### **Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

CLO	PLO2.1	PLO4.2
	2.1.1	4.2.2
CLO1.1	x	
CLO2.1		x

#### **14. Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế/M.ECO208/Tự chọn**

*Mô tả tóm tắt học phần:* Vị trí của học phần: Đây là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành tự chọn của chương trình cao học Kinh tế chính trị. Yêu cầu học viên có kiến thức về Quản trị công, Kinh tế học công cộng, Quản lý kinh tế, Kinh tế chính trị; các kỹ năng phân tích, tổng hợp. Môn này đặc biệt cần thiết cho đối tượng người học là những cán bộ lãnh đạo trong bộ máy của Đảng và Nhà nước.

*Mục tiêu của học phần:* Trang bị cho học viên những kỹ năng mới mà còn rất thiếu hiện nay - đó là phương pháp luận và kỹ năng phân tích, đánh giá, lựa chọn chính sách phù hợp để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong quản lý kinh tế.

#### **15. Kinh tế chính trị Mác - Lênin nâng cao/M.PEC101/Bắt buộc**

*Mô tả tóm tắt học phần:* Vị trí học phần: Đây là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành bắt buộc trong chương trình cao học Kinh tế chính trị. Nắm được những nguyên lý về bản chất kinh tế của CNTB và các quy luật của kinh tế thị trường với tư cách là văn minh mà nhân loại đã được trong CNTB. Tiếp cận những kết quả nghiên cứu hiện đại về các khuynh hướng, tư tưởng kinh tế mới trên cơ sở kế thừa học thuyết Mác.

*Mục tiêu của học phần:* Nhận thức rõ những lý luận kinh tế cơ bản của C.Mác về chủ nghĩa tư bản, quan điểm/khuynh hướng phát triển tư tưởng của Mác trong giai đoạn hiện nay từ đó nâng cao hiệu quả nhận thức về bản chất, quy luật vận động của CNTB và những quy luật của nền kinh tế thị trường phục vụ thực tiễn xây dựng CNXH ở Việt Nam.

#### **16. Kinh tế chính trị ở Việt Nam hiện nay/M.PEC102/Bắt buộc**

*Mô tả tóm tắt học phần:* Vị trí học phần: Đây là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành bắt buộc của chương trình cao học Kinh tế chính trị. Học viên phải có kiến thức cơ bản về kinh tế chính trị Mác - Lênin. Am hiểu học thuyết kinh tế của Mác, tư tưởng kinh tế của Hồ Chí Minh. Nắm vững văn kiện các đại hội Đảng cộng sản Việt Nam.

*Mục tiêu của học phần:* Trang bị cho người học hệ thống tri thức căn bản về những vấn đề kinh tế học chính trị trong thời kỳ quá độ ở Việt Nam, giúp cho người học nắm bắt và hiểu rõ tầm quan trọng và tư duy kinh tế trong một giai đoạn quá độ trên con đường đi lên CNXH.

### **17. Chủ nghĩa tư bản hiện đại và xu hướng vận động/M.PEC103/Bắt buộc**

*Mô tả tóm tắt học phần:* Vị trí học phần: Đây là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành bắt buộc của chương trình cao học Kinh tế chính trị. Giúp học viên hiểu rõ phương pháp nghiên cứu, phát hiện bản chất các hiện tượng và quá trình vận động kinh tế của CNTB, từ đó nâng cao khả năng nghiên cứu và tư duy của bản thân. Cũng cố niềm tin khoa học của học viên về chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối kinh tế của Đảng cộng sản Việt Nam, phê phán có căn cứ các quan điểm phi Mác - xít, sai lệch.

*Mục tiêu của học phần:* Cung cấp những kiến thức cơ bản chuyên sâu về chủ nghĩa tư bản (nguyên nhân hình thành, quy luật vận động, xu hướng tiến triển của CNĐQ và quan trọng hơn cung cấp cho học viên phương pháp tiếp cận các tư tưởng này dưới góc độ lịch sử sự hình thành phát triển các tư tưởng kinh tế về CNĐQ).

### **18. Các mô hình công nghiệp hóa/M.PEC302/Tự chọn**

*Mô tả tóm tắt học phần:* Vị trí môn học: thuộc học phần kiến thức chuyên ngành bắt buộc. Những kiến thức học phần này có quan hệ mật thiết với các học phần khác trong chương trình của cao học Kinh tế chính trị. Nó góp phần tích cực tạo cơ sở cho việc đi sâu nghiên cứu kinh tế chính trị.

*Mục tiêu của học phần:*

- Về kiến thức: Nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản, trọng yếu về công nghiệp hóa và mô hình công nghiệp hóa.

- Về phương pháp, kỹ năng: giúp cho người học có phương pháp nghiên cứu, tiếp cận vấn đề một cách khoa học và có kỹ năng vận dụng kiến thức đã được trang bị vào hoạt động thực tiễn, góp phần đẩy nhanh tiến trình CNH, HĐH đất nước, từ đó phát triển nền kinh tế theo hướng bền vững.

- Về ý thức, tư tưởng: nâng cao ý thức trách nhiệm và tính tiên phong gương mẫu trong việc tích cực góp phần đẩy nhanh tiến trình CNH, HĐH địa phương/ngành và đất nước.

### **19. Kinh tế học các vấn đề xã hội/M.PEC303/Tự chọn**

*Mô tả tóm tắt học phần:* Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở, trang bị cho người học tri thức kinh tế nền tảng về các vấn đề xã hội. Học viên phải có kiến

thức kinh tế tổng hợp, như lịch sử các học thuyết kinh tế hiện đại, kinh tế học nâng cao, kiến thức toán học.

*Mục tiêu của học phần:* Cung cấp cho học viên nền tảng tri thức kinh tế về các vấn đề xã hội bên cạnh chuyên ngành kinh tế học vĩ mô, cách tiếp cận các vấn đề xã hội từ ngôn ngữ kinh tế và phân tích đánh giá bằng các công cụ toán kinh tế. Từ đó, môn học trang bị cho người học hệ thống tri thức tổng hợp để đủ khả năng nhận thức toàn diện về các hiện tượng và quá trình kinh tế và xã hội.

## **20. An sinh xã hội/M.PEC306/Tự chọn**

*Mô tả tóm tắt học phần:* Học theo chương trình tự chọn do Khoa Kinh tế biên soạn. Sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực, hiện đại để chuyển tải những nội dung, chính sách an sinh xã hội gắn với sự phát triển bền vững.

*Mục tiêu của học phần:* Là học phần tự chọn, trang bị cho người học những kiến thức về chính sách xã hội để làm rõ thêm mối quan hệ trong quá trình phát triển kinh tế gắn với công bằng xã hội và phát triển bền vững.

## **21. Thực tập tốt nghiệp và đề án**

Thực tập tốt nghiệp và đề án tốt nghiệp là công trình nghiên cứu độc lập của học viên, giúp đánh giá kiến thức, kỹ năng và năng lực của học viên đã tích lũy trong suốt thời gian học tập và khả năng ứng dụng vào thực tế. Học phần yêu cầu học viên đến thực tập tại một tổ chức cụ thể trong thời gian 20 tuần. Học viên cần chọn một vấn đề liên quan tới thực tiễn Kinh tế chính trị của tổ chức đó để nghiên cứu, tìm hiểu thực trạng vấn đề và các yếu tố ảnh hưởng đến các việc giải quyết các vấn đề này, từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp.

Tham gia học phần này, học viên được hướng dẫn tìm hiểu thực tiễn hoạt động của tổ chức, xác định các vấn đề Kinh tế chính trị tổ chức đang gặp phải và tìm cách thức giải quyết những vấn đề này. Trong suốt quá trình thực tập, học viên làm việc dưới sự hướng dẫn của giảng viên và sự chỉ đạo, hướng dẫn của cán bộ hướng dẫn tại tổ chức. Kết thúc học phần, học viên phải viết được đề án tốt nghiệp và thuyết trình cá nhân trước Hội đồng đánh giá về đề án mô tả thực trạng hoạt động và các vấn đề Kinh tế chính trị của tổ chức mà người học đã thực tập thực tế, đồng thời đưa ra được các giải pháp cho các vấn đề nói trên.

## PHẦN 5. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

### 5.1. Trách nhiệm của Khoa/Trường

- Phải nghiên cứu kỹ chương trình đào tạo để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình. Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp đề cương chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.

- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.

- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

- Hướng dẫn học viên xây dựng kế hoạch học tập, tự học, tự nghiên cứu ngay từ năm thứ nhất

### 5.2. Trách nhiệm của giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp;

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho học viên chuẩn bị trước khi lên lớp;

- Thiết kế các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động NCKH đối với học viên, các bài tập nhóm, bài thực hành, bài thảo luận, báo cáo thực tập hướng tới mục tiêu hình thành ở người học các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. Các bài tập nhóm, bài thảo luận giúp người học hình thành kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng ứng xử; những bài tập thực tế giúp người học hiểu, phân tích được tình huống, kỹ năng giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo.

- Giảng viên và phụ trách chuyên ngành phải kiểm soát được suốt quá trình học tập của học viên.

- Việc kiểm tra, đánh giá học phần là một công cụ quan trọng cần phải được tổ chức thường xuyên để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nên giảng viên phải thực hiện theo đúng theo quy chế của học chế tín chỉ;

- Giảng viên phải kiên quyết ngăn chặn và chống gian lận trong tổ chức thi cử, kiểm tra và đánh giá.

### 5.3. Trách nhiệm của học viên

- Chủ động lên kế hoạch học tập, tham gia các chương trình Khoa và Trường tổ chức để hiểu hơn về các môn học và phát triển năng lực. Phải tham khảo ý kiến tư vấn của giảng viên, phụ trách chuyên ngành để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ.

- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng và đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên.

- Tự giác trong khâu tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi seminar.

- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu.

- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

**HIỆU TRƯỞNG**

**GS.TS. Nguyễn Huy Bằng**

**PHỤ LỤC 1. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NHÂN VIÊN HỖ TRỢ**

*Danh sách giảng viên, nhà khoa học cơ hữu tham gia đào tạo các học phần trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế chính trị*

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Chức danh và trình độ giảng viên (trường hợp vừa là GS hoặc PGS và TSKH hoặc TS chỉ đánh dấu vào 1 cột chức danh GS hoặc PGS)			Chuyên môn được đào tạo	Hình thức tuyển dụng làm giảng viên cơ hữu			
			GS	PGS	TSKH		TS	Quyết định tuyển dụng (số, ngày, tháng, năm)	Hợp đồng tuyển dụng (số, ngày, tháng, năm)	Ngày hết hạn theo hợp đồng
<b>14</b>	<b>Tên ngành đào tạo: Kinh tế chính trị Mã số: 8310102</b>									
14.1	Đình Trung Thành	20/4/1970		X			Kinh tế	QĐ ngày 01/10/1992 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh	HĐ số 857/TCCB ngày 05/10/1992 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh	Hợp đồng làm việc không có thời hạn
14.2	Nguyễn Thị Minh Phượng	05/04/1978		X			Kinh tế	QĐ số 1406/QĐ-BGD&ĐT – TCCB ngày 17/03/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo v/v tuyển dụng viên chức	HĐ số 1019/TCCB ngày 18/05/2004 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh	Hợp đồng làm việc không có thời hạn

14.3	Nguyễn Thị Hải Yến (Khoa Kinh tế)	29/07/1980						X	Kinh tế chính trị	Đơn vị sự nghiệp của Nhà nước QĐ số 3714/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 26/07/2006	QĐ số 1845/TCCB ngày 13/09/2006	Hợp đồng làm việc không có thời hạn
14.4	Trần Thị Thanh Thủy	20/02/1983						X	Kinh tế học (Kinh tế phát triển)	1418/TCCB, 30/06/2009		
14.5	Phạm Thị Thúy Hằng	08/05/1983						X	Kế toán	2482/TCCB 27/10/2008	2482/TCCB 27/10/2008	
14.6	Nguyễn Thị Thúy Vinh	9/11/1977						X	Kinh tế phát triển		QĐ số 208 ngày 18/02/2003	Hợp đồng làm việc không có thời hạn
14.7	Nguyễn Thị Yên	10/06/1992						X	Tài chính - Ngân hàng		Số 14/HĐ-ĐHV ngày 27/02/2019	Không xác định thời hạn
14.8	Ngô Hồng Nhung	09/04/1986						X	Tài chính - Ngân hàng		50/HĐ-ĐHV ngày 12/7/2018	Không xác định thời hạn
14.9	Trịnh Hằng	16/07/1986						X	Tài chính - Ngân hàng		1625/ĐHV-TCCB ngày 12/07/2010	Không xác định thời hạn
	<b>Tổng số giảng viên cơ hữu của ngành : 9</b>											

## PHỤ LỤC 2: CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Trường Đại học Vinh có hệ thống các nhà với diện tích sàn là 74.108 m<sup>2</sup>, diện tích xây dựng là 27.398 m<sup>2</sup>, diện tích sử dụng là 66.700 m<sup>2</sup>, tổng nguyên giá là 110.960 triệu đồng. Hệ thống nhà cửa được phân bố theo mục đích sử dụng (hoạt động sự nghiệp, phòng học).

Diện tích các công trình xây dựng tại các cơ sở bao gồm:

- Cơ sở I: Diện tích xây dựng; 27.624 m<sup>2</sup>; diện tích sàn; 103.884 m<sup>2</sup>
- Cơ sở II: Diện tích xây dựng; 13.263 m<sup>2</sup>; diện tích sàn; 44.884m<sup>2</sup>
- Cơ sở Hưng Bình: Diện tích xây dựng; 1723m<sup>2</sup>; diện tích sàn; 13.877m<sup>2</sup>
- Trại thực hành hải sản mặn Hà Tĩnh và Trại ngọt Hưng Nguyên

Hệ thống phòng làm việc cho khối hành chính được xây dựng đầy đủ, đúng tiêu chuẩn, trang bị thiết bị và phương tiện làm việc đúng theo yêu cầu quy định. Theo cơ cấu tổ chức hiện nay, Trường Đại học Vinh có 43 đơn vị hành chính (phòng, ban, văn phòng khoa, trung tâm, viện...). Trường bố trí làm việc tại 74 phòng làm việc với tổng diện tích 2.991 m<sup>2</sup>; 90 phòng làm việc với diện tích 15.938m<sup>2</sup>, 4 phòng họp, phòng hội thảo quốc tế với tổng diện tích 515 m<sup>2</sup>. Có 2 hội trường lớn, hiện đại với sức chứa từ 500 - 600 chỗ ngồi, có 6 phòng họp, phòng hội thảo sức chứa từ 50 đến 120 chỗ ngồi được trang bị các thiết bị đầy đủ trang thiết bị cho các hội nghị trực tuyến...

Trường Đại học Vinh có trên 300 lớp đại học học tại trường. Nhà trường đã có hệ thống phòng học trên 200 phòng (156 phòng học nhà cao tầng, 46 phòng học cấp 4 đã được nâng cấp) với tổng diện tích 15.723 m<sup>2</sup> sử dụng. Bình quân 1 ca học bố trí được 13.000 chỗ ngồi với diện tích sử dụng bình quân là 2 m<sup>2</sup>/1 ca (chưa kể diện tích học tập tại phòng thí nghiệm, thực hành, ký túc xá...). Nhà trường có 282 phòng học với diện tích 52.143m<sup>2</sup> trong đó gần 200 phòng được lắp đặt máy chiếu (Projektor), 230 có lắp đặt hệ thống âm thanh, toàn bộ các phòng học được bố trí tại các tòa từ 2 đến 5 tầng.

Nhà trường có hệ thống ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 3981 với 10 tòa nhà ký túc xá có gần 3.000 chỗ ở, gồm: 1 tòa nhà 9 tầng thuộc Khu nhà ở sinh viên tại phường Hưng Bình (136 phòng ở, diện tích mỗi phòng từ 32 m<sup>2</sup> đến 65 m<sup>2</sup>, được trang bị 02 thang máy); 5 tòa nhà 5 tầng tại Cơ sở I (300 phòng ở, diện tích mỗi phòng gần 25 m<sup>2</sup>); 2 tòa nhà 4 tầng tại Trung tâm GDQP&AN, Cơ sở II (48 phòng ở, diện tích mỗi

phòng gần 22 m<sup>2</sup>); 2 tòa nhà tại làng sinh viên Cơ sở II (240 phòng ở, diện tích mỗi phòng gần 25 m<sup>2</sup>); Trại Nuôi trồng Hải sản mặn, lợ (6 phòng ở). Tất cả các tòa nhà ký túc xá được xây dựng vĩnh cửu, đảm bảo an toàn về phòng cháy chữa cháy; điện, nước sạch, internet được trang bị đầy đủ, ổn định; có công trình vệ sinh khép kín; tất cả các phòng đều được lắp đặt bình nước nóng, hơn 70% các phòng ở được lắp đặt điều hòa nhiệt độ; các phòng ở được thiết kế phù hợp để luôn có chế độ chiếu sáng tự nhiên và nhân tạo tốt, khuôn viên ký túc xá đều có sân chơi, bãi tập đảm bảo cho sinh viên có nơi vui chơi, rèn luyện sức khỏe.

Nhà trường có Nhà ăn sinh viên rộng rãi, thoáng mát, được tổ chức tốt, thường xuyên được kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm; có căng tin và hệ thống dịch vụ. Các ký túc xá luôn được bảo vệ bởi lực lượng vệ sĩ, có cán bộ trực 24/24, ngoài ra còn có đội tự quản tham gia bảo vệ an ninh trật tự. Ngoài việc các phòng sinh viên tự chịu trách nhiệm vệ sinh tại phòng ở, Nhà trường còn có lực lượng chuyên nghiệp thường xuyên lau chùi, quét dọn và thu gom rác thải... Ngoài ra, Nhà trường hiện có nhiều sân chơi, bãi tập, nhà thi đấu thể dục thể thao... cơ bản đáp ứng được nhu cầu vui chơi, giải trí, tập luyện và thi đấu của cán bộ, viên chức và học sinh, sinh viên, học viên.

Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hoá - thể thao - y tế, gồm có: 1 nhà tập đa chức năng đúng tiêu chuẩn với sức chứa trên 1000 chỗ ngồi, 1 nhà tập TDTT diện tích hơn 600 m<sup>2</sup>, 1 phòng tập GYM, Erobic diện tích 670 m<sup>2</sup>, 7 sân bóng chuyền, 5 sân bóng đá mini, 5 sân tập bóng rổ, 2 sân tennis, đường chạy đúng tiêu chuẩn và nhiều vị trí đặt bàn bóng bàn phục vụ cho cán bộ, sinh viên với tổng diện tích gần 27.000 m<sup>2</sup>; trạm Y tế với 8 phòng khám, điều trị với tổng diện tích 240 m<sup>2</sup>; sân khấu trong nhà với 450 chỗ ngồi, 2 sân khấu ngoài trời có khả năng bố trí 1500 đến 3000 chỗ ngồi.

- Phòng thí nghiệm, thực hành:

Hiện tại trường có phòng thí nghiệm diện tích 10.314 m<sup>2</sup>, 21 phòng, xưởng thực tập, thực hành với diện tích 6.668 m<sup>2</sup> được quản lý tập trung bởi Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm. Hệ thống trang thiết bị thí nghiệm là cơ sở cần thiết phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học cho các khoa thực nghiệm trong Trường. Các thiết bị được tài trợ thông qua các dự án vừa qua đều xuất phát từ yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của các tổ bộ môn nên đã được khai thác sử dụng tối đa để phục vụ cho các bài thí nghiệm đào tạo đại học. Hầu hết các máy so màu, quang phổ, thiết bị phân tích môi trường, hệ thống chưng cất, sắc ký... thường xuyên phục vụ đào tạo cao học, một số học viên sau đại học và sinh viên các

hệ làm luận văn tốt nghiệp. Ngoài ra các thiết bị hỗ trợ cho giảng dạy như đèn chiếu, máy chiếu đa chức năng, máy chiếu vật thể, kính lúp gắn camera được sử dụng thường xuyên trong các bài thực hành, xemina, báo cáo khoa học, bảo vệ luận văn... Các trang thiết bị đã được đưa vào sử dụng và phát huy có hiệu quả.

TT	Tên cơ sở vật chất	Số lượng
1	Phòng học	282
2	Phòng học có máy chiếu	192
3	Phòng học tiếng nước ngoài	8
4	Phòng học máy tính	18
5	Phòng học có kết nối trực tuyến	57
6	Phòng học online	16
7	Phòng thực hành thí nghiệm	76
8	Phòng làm việc	68
9	Phòng seminar và sinh hoạt bộ môn	Mỗi khoa có 1 phòng
10	Phòng họp	Có 2 phòng họp lớn
11	Hội trường	1 hội trường lớn
12	Thư viện	1 toà nhà 7 tầng
	<i>Thư viện điện tử</i>	<i>Có hệ thống thư viện điện tử</i>
	<i>Hệ thống mượn sách tự động</i>	<i>Có hệ thống mượn sách tự động</i>
	<i>Phòng học</i>	<i>6</i>
	<i>Hội trường</i>	<i>1</i>
	<i>Phòng máy tính</i>	<i>3</i>
	<i>Kho sách</i>	<i>9</i>
	<i>Phòng đọc</i>	<i>6</i>
	<i>Chỗ ngồi</i>	<i>2000</i>
	<i>Giáo trình</i>	<i>26.000 với 200.000 bản</i>
	<i>Tạp chí</i>	<i>129 loại</i>
	<i>Luận án và luận văn</i>	<i>16.500</i>
	<i>Tài liệu, giáo trình điện tử</i>	<i>16.000</i>
	<i>Bộ cơ sở dữ liệu trực tuyến</i>	<i>5</i>

TT	Tên cơ sở vật chất	Số lượng
13	Trung tâm đào tạo Ngân hàng, Chứng khoán và doanh nghiệp mô phỏng	1
14	Hệ thống công nghệ thông tin dùng cho quản lý	Có hệ thống công nghệ thông tin hiện đại phục vụ cho quản lý e-office, CMC, LMS
15	Máy vi tính để bàn	1.046
	<i>Máy tính phục vụ giảng dạy</i>	<i>716</i>
	<i>Máy tính phục vụ công tác quản lý</i>	<i>330</i>
16	Máy tính xách tay	Trang bị cho cán bộ quản lý và Tiến sĩ
17	Kí túc xá với căng tin và nhà ăn	Có
18	Hệ thống sân thể dục thể thao	
	Sân bóng chuyền	6
	Sân bóng đá mini	6
	Sân bóng đá lớn	1
	Sân thể thao phụ	Nhiều sân với tổng diện tích 35.000 m <sup>2</sup>
	Nhà thi đấu đa năng	1 nhà thi đấu với 1.000 chỗ ngồi
19	Trung tâm Giáo dục Quốc Phòng - An ninh	1
20	Phòng y tế	1 nhà gồm nhiều phòng làm việc đảm bảo sức khỏe cho cán bộ, sinh viên











